

**THỔ CÔNG VÀ TỤC THỜ THỔ CÔNG
CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG XÃ THẠCH ĐẠN,
HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

Tóm tắt: Trên cơ sở những kết quả thu thập được trong quá trình điền dã dân tộc học, bài viết mô tả quan niệm của người dân về Thổ công và quá trình tiến hành nghi lễ thờ Thổ công. Bài viết còn sử dụng khái niệm biểu tượng của Marcel Mauss để tiếp cận khía cạnh dâng cúng lễ vật cho Thổ công và mong muốn của người dân khi thực hiện biểu tượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy thờ Thổ công đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người Tày, Nùng và vì tầm quan trọng ấy nên tục thờ Thổ công vẫn tồn tại và rất phổ biến trên địa bàn xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Từ khóa: Thổ công, tục thờ, Tày, Nùng, Lạng Sơn.

Dẫn nhập

Tại Thạch Đạn, dân tộc Tày và Nùng đã cộng cư cùng nhau từ lâu đời và tạo nên một nền văn hóa “chạp chùng”¹. Tính đến tháng 3/2016, xã có 8 thôn, 674 hộ với 2.921 nhân khẩu. Trong đó, dân tộc Nùng chiếm 74,7 %, dân tộc Tày chiếm 25,1 %, dân tộc Kinh chiếm 0,2 % (UBND xã Thạch Đạn 2016: 1). Với lịch sử cộng cư lâu đời, người dân xã Thạch Đạn có một nền văn hóa rất phong phú và đa dạng, một trong số đó là văn hóa thờ cúng. Việc thờ cúng của người dân cũng đã hình thành từ lâu đời với những loại hình thờ cúng trong gia đình và thờ cúng ngoài gia đình. Trong gia đình, có thờ tổ tiên, thờ bà mụ, thờ dả cháo (thần bếp), Phật Bà Quan Âm.... Ngoài gia đình, có thờ fị thang sán, thờ Thổ công dòng họ, thờ Thổ công bản còn (bản còn = làng xóm).... Việc tương trợ diễn ra theo nguyên tắc có đi có lại, người ta thờ thần với mong muốn sẽ được thần che chở và phù hộ cho cuộc sống bình an, cho kinh tế phát triển.

* Lạng Sơn.

Ngày nhận bài 21/11/2016; Ngày biên tập: 23/01/2017; Ngày duyệt đăng: 20/4/2017.

1. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp tiếp cận

Thổ công và tục thờ Thổ công có vai trò rất quan trọng trong đời sống của người Tày, Nùng, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu về vấn đề này. Qua thu thập tài liệu, chúng tôi nhận thấy tục thờ này chỉ được đề cập rất sơ lược trong các công trình viết về dân tộc Tày và Nùng. Có lẽ các tác giả Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968) là những người đầu tiên đề cập đến thờ cúng Thổ công, tiếp đến các tác giả Ma Tiến Dũng (1980), Hoàng Nam (1992), Viện Dân tộc học (1992), Ngô Đức Thịnh (2006; 2012), Nguyễn Thị Yên (2009), La Công Ý (2010), Lê Minh Anh (2012), Lý Viết Trường (2015),... cũng đề cập đến tục thờ này.

Những nghiên cứu bước đầu của các tác giả chủ yếu tập trung trình bày về nguồn gốc của Thổ công. Tổng quan tài liệu, chúng tôi nhận thấy các nhà nghiên cứu chưa thống nhất về nguồn gốc Thổ công. Có ba quan điểm về nguồn gốc Thổ công. Quan điểm thứ nhất cho rằng: Thổ công là người thật, người có công giúp dân bản khai phá ruộng nương, xây dựng mừng bản, khi người ấy chết sẽ được dân bản phụng thờ (Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn, 1968: 115; Ngô Đức Thịnh chủ biên, 2012: 310). Quan điểm thứ hai cho rằng: Thổ công tổ tiên từ 3 đời trở lên của dân bản; thần là vị trưởng lão đáng kính và có vị trí quan trọng trong đời sống (Nguyễn Thị Yên, 2009: 65-66). Quan điểm thứ ba cho rằng: Thổ công là người có công sinh ra chỗ đất mà dân bản đang sinh sống. Thổ công là thần đất, thần bảo vệ cho mọi hoạt động sinh hoạt và làm ăn của cả bản (Ma Tiến Dũng, 1980: 21; Hoàng Nam, 1992: 149).

Những nghiên cứu đi trước ngoài trình bày về nguồn gốc Thổ công còn đề cập đến nơi thờ cúng và vai trò của tục thờ Thổ công trong quan niệm của người Tày, Nùng. Các tác giả đều cho rằng Thổ công được thờ ở miếu; miếu là những ngôi nhà nhỏ; miếu càng lụp xụp thì càng thâm nghiêm (Ngô Đức Thịnh, 2012: 310). Người Tày, Nùng thờ cúng Thổ công vào các dịp lễ tết trong năm như: Tết Nguyên đán, tết Thanh minh, tết Slíp slí...

Chúng tôi cũng nhận thấy các nhà nghiên cứu đi trước mới chỉ đề cập đến việc thờ cúng Thổ công một cách sơ lược. Hầu hết những

công trình ấy mới dừng lại ở việc mô tả diễn trình tiến hành nghi lễ rồi đưa ra kết luận về vai trò quan trọng của tục thờ này. Theo chúng tôi, như thế là chưa đủ, bởi lẽ để giải thích một niềm tin mang tính tôn giáo có vai trò quan trọng và vẫn tồn tại phổ biến trong đời sống của người Tày, Nùng thì cần phải lý những giải nguyên khiến cho niềm tin đó vẫn tồn tại trong dân gian. Hơn nữa, những công bố của các nhà nghiên cứu về Thổ công còn quá sơ lược, chưa có công trình nào trình bày được đầy đủ diễn trình nghi lễ cũng như vai trò của việc thờ cúng này.

Trong bài viết này chúng tôi sử dụng khái niệm biểu tượng của Marcel Mauss để tiếp cận khía cạnh dâng cúng lễ vật cho thần linh và mong muốn của người dân khi thực hiện việc thờ cúng. Bằng những kết quả thu được, bài viết trình bày nội dung ở hai cấp độ. Ở cấp độ thứ nhất, chúng tôi sử dụng tài liệu điền dã dân tộc học dựng lại diễn trình tiến hành nghi lễ thờ cúng Thổ công của người Tày, Nùng. Ở cấp độ thứ hai, chúng tôi sử dụng khái niệm biểu tượng để phân tích những mong muốn của người dân khi thực hiện thờ cúng, và giải thích lý do tục thờ Thổ công vẫn tồn tại phổ biến trong đời sống của người Tày, Nùng xã Thạch Đạn nói riêng và người Tày, Nùng ở Việt Nam nói chung.

2. Thổ công của người Tày, Nùng

2.1. Quan niệm về Thổ công của người Tày, Nùng

Theo chúng tôi, cách giải thích của các nhà nghiên cứu Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), Ngô Đức Thịnh (2010) về nguồn gốc của Thổ công là chưa hợp lý vì Thổ công không phải là những người có thật. Những người có thật, người khi sống có công với dân bản... khi chết được dân thờ cúng thực chất là thành hoàng, chứ không phải Thổ công. Theo khảo sát tại địa bàn xã Thạch Đạn, chúng tôi được biết một số bản người Tày, Nùng như bản Nà Lặng, bản Cườm ngoài miếu thờ Thổ công, người dân còn lập nhà thần (lườn slán) để thờ thành hoàng (Xình vàng)². Cách giải thích của tác giả Nguyễn Thị Yên (2009) cho rằng Thổ công là tổ tiên của gia đình từ ba đời trở lên cũng chưa hợp lý vì Thổ công không thể là thần tổ tiên. Theo quan niệm của người Tày, Nùng khi người chết hồn người chia thành 3 phần (1 phần lên trời, 1 phần ở mộ, một phần ngự ở bàn thờ tổ tiên); những tổ tiên quá ba đời sẽ được thờ ở cửa ra vào hoặc thờ ở ngoài sân (Viện

Dân tộc học, 1992: 232-233; Hoàng Thị Thiệu, 2002: 13). Chúng tôi tán thành với cách giải thích của các tác giả Ma Tiến Dũng (1980) và Hoàng Nam (1992) khi cho rằng Thổ công và vị thần đất, có nhiệm vụ trông coi mảnh đất dân bản đang sinh sống.

Trong tiếng Tày, Nùng Thổ công được gọi là Coong thồ, trong đó coong = ông, thồ = thổ = đất; hoặc Thó tỳ, trong đó thó = thổ = đất, tỳ = địa điểm (ví dụ, tỳ phương = địa phương; tỳ mè = bên vợ). Dựa vào kết quả khảo sát tại thực địa, soi chiếu theo quan niệm của các tác giả đi trước, tôi tạm đưa ra một quan niệm của riêng tôi về Thổ công như sau: *Thổ công của người Tày, Nùng là vị thần đất có nhiệm vụ cai quản mảnh đất bản và mọi hoạt động diễn ra trên mảnh đất mà dân bản đang sinh sống, ngoài ra Thổ công còn có nhiệm vụ phù hộ cho dân bản khỏe mạnh, làm ăn thuận lợi, cuộc sống bình an.*

2.2. Miếu thờ Thổ công

Thổ công được thờ ở miếu. Miếu tiếng Tày, Nùng gọi là “Hòn Thó” hay “Lườn Thó”: Lườn = hòn = nhà, lườn trình = hòn xinh = nhà trình (trình tường), lườn chên = hòn chên = nhà gạch mộc; thồ = thó = thổ = đất, pay thồ = pay thó = đi lễ thần thổ = đi lễ Thần Đất. Như vậy, “Hòn Thó” chính là ngôi nhà để thờ Thần Đất. Miếu của người Tày, Nùng là nơi quan trọng dùng để thờ vị Thần Đất gọi là Thổ công. Miếu được dựng ngay khi chọn đất lập bản, miếu thường có diện tích nhỏ, sơ sài, lợp xúp và thường nằm ở đầu hoặc cuối bản.

Miếu được xây rất đơn giản. Người ta lấy cây dựng lên thành 4 cọc rồi bện lá tranh để che là thành ngôi miếu, như miếu Khon Cống. Có miếu lại được dựng bằng gạch mộc và lợp bằng cỏ tranh hoặc mái ngói âm dương như miếu Bản Mạc, miếu Nà Lặng. Bên trong miếu chia làm 2 phần, một phần cao hơn dùng để đặt bát hương và phần thấp hơn dùng để đặt lễ vật. Ngoài bát hương chính đồng bào còn cắm hương ở chân tường hai bên miếu và cắm ở các gốc cây xung quanh miếu. Phần đất cao hơn đó ngoài các gia đình của dòng họ đầu tiên đến khai bản lập xóm thì không ai được phép đặt lễ vật lên trên, vì đồng bào quan niệm chỉ những người có công khai phá ruộng nương đầu tiên của bản mới được đặt lên chỗ đó. Đây cũng là một cách thể

hiện sự kiêng nể của dân bản đối với dòng họ đầu tiên đã đến khai phá lập nên bản làng.

3. Thờ cúng Thổ công

Miếu là nơi thờ Thổ công và cũng là nơi diễn ra các nghi lễ thờ cúng, vì là vị thần cai quản mọi hoạt động trên mảnh đất mà dân bản sinh sống vậy nên hầu như mọi hoạt động quan trọng người Tày, Nùng đều phải làm lễ xin phép Thổ công. Người Tày, Nùng quan niệm nếu không xin phép Thổ công thì mọi hoạt động liên quan đến sản xuất, nghi lễ, lễ tết - lễ hội đều không được phép tổ chức. Dưới đây, tôi sẽ trình bày 3 hoạt động thờ cúng Thổ công của người Tày, Nùng:

Thứ nhất, thờ cúng Thổ công trong lễ tết: Tết Nguyên đán là lễ cúng lớn nhất. Mâm cúng Thổ công ngày Tết Nguyên đán bắt buộc phải có gà trống thiến, rượu và vàng hương; Tết Thanh minh cúng Thổ công phải có thịt gà/vịt và xôi ngũ sắc. Tết So Slooc (mùng 6 tháng 6 âm lịch), lễ vật cúng phải có thịt vịt/gà và bánh tãi. Tết Slíp Slí, lễ vật cúng thần bắt buộc phải có thịt vịt và bánh gai; bản nào có điều kiện thì thịt lợn cúng rồi sau đó chia cho mỗi hộ trong bản một phần. Tết Xì Xà Khẩu Mẩu lễ vật bắt buộc phải có thịt vịt và bánh giầy. Người dân thực hiện thờ cúng Thổ công các dịp lễ tết với mong muốn thần sẽ phù hộ cho thời tiết thuận lợi, mùa màng bội thu. Bởi lễ tết của người Tày, Nùng thường trùng vào các tiết trong năm, mỗi tiết lại gắn với một chu kỳ sản xuất nhất định. Vậy nên thờ cúng Thổ công vào dịp lễ tết thực chất là một trong những biểu hiện niềm tin gắn với sản xuất nông nghiệp trong đời sống của người Tày, Nùng.

Thứ hai, thờ cúng Thổ công trong lễ hội Lồng Tồng. Lồng Tồng tiếng Tày, Nùng nghĩa là xuống đồng, mở đầu cho một năm mới sản xuất nông nghiệp thuận lợi. Trên địa bàn xã Thạch Đạn có 3 hội Lồng Tồng: Tồng Mạc diễn ra vào ngày mùng 10 tháng Giêng; Tồng Bản Roọc diễn ra vào ngày 15 tháng Giêng; Tồng Nà Sla diễn ra vào ngày mùng 3 tháng 2 âm lịch. Trước ngày mở hội, người dân bao giờ cũng phải mang lễ vật là một chai rượu, vàng hương đến miếu để xin phép Thổ công cho tổ chức lễ hội tại khu vực bản mà thần cai quản. Cũng trong ngày hội, bất kỳ con sư tử nào muốn đến hội góp vui thì trước khi vào hội cũng bắt buộc phải đến miếu để xin phép Thổ công. Như

vậy, Thổ công của người Tày, Nùng giữ vai trò quản lý và bảo vệ mọi hoạt động diễn ra trên mảnh đất mà vị thần cai quản.

Thứ ba, thờ cúng Thổ công trong các nghi lễ khác. Vị thần này đóng vai trò quan trọng đối với quá trình hành binh của những người hành nghề tôn giáo truyền thống trong khi thực hiện hành lễ. Thổ công xuất hiện trong hành trình của Tào, Mo, Pụt, Then đi từ nhà gia đình tổ chức lễ đến cửa thần mà người tiến hành nghi lễ muốn đến. Trong nghi lễ vòng đời, Thổ công cũng đóng vai trò rất quan trọng. Khi cưới xin, gia chủ phải mang theo chai rượu và nén nhang đến miếu để báo với Thổ công, nếu không thì cuộc hôn nhân sẽ gặp nhiều trắc trở; khi gia đình có người sinh đẻ, gia chủ cũng phải mang theo chai rượu và nén hương đến miếu để báo cáo với Thổ công vì người dân quan niệm thần sẽ phù hộ cho cháu bé mau ăn chóng lớn và trở thành người tốt; khi gia đình có người mất, gia đình phải mang gà, rượu và vàng hương lên báo cho Thổ công, để khi hành lễ thầy Tào còn nhờ Thổ công giúp đỡ trong quá trình hành lễ. Ngoài ra, khi xây nhà, trong gia đình có người ốm, trong bản có việc mâu thuẫn người ta cũng ra miếu báo cho Thổ công. Trong những trường hợp này, thần là nơi để người dân gửi gắm những hy vọng và miếu là nơi để giải tỏa những tâm tư tình cảm của người dân trong cuộc sống.

Hiện nay, việc thờ cúng Thổ công vẫn phổ biến trong đời sống của người Tày, Nùng xã Thạch Đạn nói riêng và người Tày, Nùng vùng miền núi phía Đông Bắc nói riêng. Theo tài liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy lý do để việc thờ cúng Thổ công vẫn tồn tại bởi người dân quan niệm Thổ công là vị thần có vai trò quan trọng trong cuộc sống, thần cai quản mọi hoạt động của họ. Vậy nên, người Tày, Nùng cúng Thổ công để mong thần sẽ phù hộ cho mọi người, cho gia đình mạnh khỏe, sản xuất kinh tế thuận lợi, cuộc sống gặp nhiều may mắn. Người Tày, Nùng cũng quan niệm trong các dịp cúng Thổ công, lễ vật dâng cúng càng nhiều thì thần sẽ càng phù hộ cho họ. Chẳng vì thế mà vào dịp Tết Nguyên đán (dịp cúng Thổ công lớn nhất trong năm), gia đình nào cũng cố gắng chăm sóc con gà trống thiến của gia đình mình to và đẹp hơn gia đình khác.

4. Vai trò cố kết cộng đồng của tục thờ Thổ công (thay lời kết)

Ngoài ý nghĩa là một niềm tin tôn giáo gắn với sản xuất nông nghiệp, gắn với mùa vụ sản, tục thờ Thổ công còn có vai trò quan trọng trong việc cố kết cộng đồng. Sự cố kết này thể hiện ở hai yếu tố là tính cộng mệnh và tính cộng cảm.

Tính cộng mệnh thể hiện ngay ở việc cả bản thờ chung một vị Thổ công. Trong mọi hoạt động thờ cúng, cả bản đều có ý thức tham gia một cách tự nguyện. Trong những lễ cúng, mọi người trong bản đều tự giác đảm nhận và hoàn thành các công việc được giao một cách trách nhiệm vì mọi người đều có chung một tình cảm đã được “thiên hóa” là họ đang phục vụ Thổ công (Hoàng Lương 2012: 19). Trong không gian linh thiêng của miếu, mọi người đều có chung mỗi cộng mệnh và người ta như được hòa mình vào trong thế giới thần linh, nơi đó những nguyện vọng của họ được thần linh chứng giám và giúp đỡ.

Tính cộng cảm thể hiện qua các hoạt động văn hóa xung quanh bữa ăn tại miếu trong những dịp cúng, đặc biệt là lễ cúng ngày Tết Nguyên đán. Trong bữa ăn này, mọi người cùng chúc nhau chén rượu, cùng thưởng thức những món ăn đã được thần linh chứng giám. Bữa ăn tại miếu không còn là bữa ăn vật chất đơn thuần mà đã biến thành bữa ăn tinh thần, xung quanh mâm cỗ mọi người nói chuyện với nhau về những dự định trong sản xuất, những người có xích mích cũng nhờ bữa ăn cộng cảm này mà bỏ qua cho nhau. Có thể nói đây là bữa ăn của tình đoàn kết, của sự thống nhất về ý chí và bữa ăn của sự cố kết cộng đồng.

Thờ cúng Thổ công đã góp phần vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa Tày, Nùng. Tại miếu bên ly rượu và mâm cỗ liên hoan người ta cất lên những khúc hát dân ca như sli, then, lượn; chơi những trò dân gian như múa sư tử, lắc cò, tức kỳ.... Đó chính là nhân tố góp phần lưu truyền những giá trị văn hóa tộc người từ thế hệ này đến thế hệ khác./.

CHÚ THÍCH:

¹ “Chạp chùng” dịch ra tiếng Việt có thể hiểu là lẫn lộn hoặc chung nhau, trong trường hợp này chúng tôi hiểu văn hóa “chạp chùng” là văn hóa chung của dân tộc Tày và Nùng.

² Tiếng Tày, Nùng từ lườn slản = nhà thân; từ xính vàng = thành hoàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Minh Anh (2012), “Tín ngưỡng thờ cúng của người Nùng Phần Slinh ở vùng cao biên giới (Nghiên cứu ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn)”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6.
2. Ma Tiến Dũng (1980), *Khảo sát sơ bộ tôn giáo tín ngưỡng của người Nùng Phần Slinh ở Chi Lăng - Lạng Sơn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945*, Khóa luận tốt nghiệp, chuyên ngành Dân tộc học, Khóa 21 (1976-1980), Hà Nội.
3. Lê Sỹ Giáo (2014), “Thời gian đón năm mới của các dân tộc tại sao lại không giống nhau?”, *Bảo tàng & Nhân học*, số 1.
4. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Hoàng Lương (2006), “Cư dân Tày - Thái và cư dân Việt - Mường chung, hai người bạn láng giềng gần gũi từ thời cổ đại”, *Dân tộc học*, số 3.
6. Hoàng Lương (2013), *Giới thiệu một số lễ hội truyền thống tiêu biểu của các dân tộc Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
7. Hoàng Nam (1992), *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
8. Hoàng Văn Páo (2002), *Lễ hội lồng tồng của người Tày Bản Chu xã Hưng Đạo, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Ngô Đức Thịnh (2012), *Tín ngưỡng & văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Lô Quốc Toàn (1980), *Sơ bộ khảo sát một làng người Tày ở huyện Chi Lăng - Lạng Sơn (trước Cách mạng tháng Tám)*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa Lịch sử, Hà Nội.
12. Hoàng Hoa Toàn, Đàm Thị Uyên (1998), “Nguồn gốc lịch sử các tộc người Tày, Nùng ở Việt Nam”, *Dân tộc học*, số 2.
13. Hoàng Thị Thiệu (2002), “Thờ cúng trong gia đình đồng bào Nùng”, *Dân tộc & Thời đại*, số 40.
14. Hà Văn Thư, Lã Văn Lô (1984), *Văn hóa Tày - Nùng*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
15. Lý Viết Trường (2015), *Tục thờ Thổ công trong lễ tết - Một biểu hiện của tín ngưỡng nông nghiệp*, Thông báo Văn hóa Dân gian.
16. Nguyễn Kim Tường (1999), *Vai trò của Thầy Tào trong đời sống người Nùng Phần Slinh ở Hải Yến - Cao Lộc - Lạng Sơn*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa học Lịch sử, Chuyên ngành Dân tộc học, Khóa 1995 - 1999, Hà Nội.
17. UBND xã Thạch Đạn (2011), *Đề án: Xây dựng nông thôn mới xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2010 - 2020*.
18. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội.
19. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

20. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Yên (2006), *Then Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày - Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

THE TAY AND THE NUNG'S PATRON GOD OF THE VILLAGE AND ITS WORSHIPING CUSTOMS IN THACH DAN VILLAGE, CAO LOC DISTRICT, LANG SON PROVINCE, VIETNAM

Based on documents collected in the process of carrying out ethnographic fieldwork, the author describes the Tay and the Nung's conceptions of patron god of the village and rituals worshiping Him. The author also applies Marcel Mauss' conception of "cushl" to approach the aspect of offering the patron god of the village and offeror's will. The result indicates that the patron god of the village plays an important role in the life of the Tay and the Nung, and the cult of the patron god of the village still practices popularly within Thach Dan village, Cao Loc district, Lang Son province because of that importance.

Keywords: Tay people, Nung people, patron god of the village, Lang Son, Vietnam.